TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-PT
Ngày: 21-02-2023
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt
Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung
Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 20/9/2022, Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 342/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022; Quyết Đ hoãn phiên tòa số 358/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: N Đường P, phường 01, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà: Đặng Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: B T, phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngân H, sinh năm 1998; địa chỉ: A T, phường B, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng (Theo văn bản ủy quyền ngày 15-12-2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn

Văn H1 – Công ty Luật TNHH Đ; địa chỉ: A T, phường B, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1986; địa chỉ: S N, phường 3, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Ông Lê Cao T, sinh năm 1985. Trú tại L đường N, phường H, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2022).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y.

(Bà H, ông T và Luật sư H1 có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Do sự quen biết lẫn nhau nên vào ngày 13/11/2021 ông Đ bà N có cho bà Nguyễn Thị Kim Y mượn số tiền 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* không thỏa thuận lãi xuất, thời hạn mượn là 30 ngày (Từ ngày 13/11/2021 đến ngày 13/12/2021). Tiếp theo ngày 24/12/2021 ông Đ, bà N tiếp tục cho bà Y mượn thêm số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) cũng không thỏa thuận lãi xuất, thời hạn mượn 05 ngày (Từ ngày 24/12/2021 đến ngày 29/12/2021) mục đích bà Y mượn số tiền trên là để đáo hạn ngân hàng. Quá thời hạn nói trên ông Đ, bà N nhiều lần yêu cầu bà Y trả số tiền nói trên nhưng bà Y không trả.

Tại bản tự khai bổ sung ông Hồ Đ và bà Đặng Thị N trình bày: Ngày 13/11/2021 ông Đ và bà N có cho bà Nguyễn Thị Kim Y vay số tiền là 1.000.000.0000 đồng (*Một tỷ đồng*), tiếp đến ngày 24/12/2021 bà N, ông Đ tiếp tục cho bà Nguyễn Thị Kim Y vay tiếp 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng)*, tổng cộng cả hai lần vay là 1.400.000.000 đồng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi xuất, do đó bà Y không trả lãi và đến nay bà Y cũng không trả tiền gốc, bà Y cung cấp cho Tòa bản sao kê chuyển khoản đó là số tiền mà bà Y vay mượn trước đó không liên quan đến các khoản vay ngày 13/11/2021 và ngày 24/12/2021. Các khoản nợ trước đó các bên đã thanh toán xong và các bên đã hủy giấy nên không có để cung cấp cho Tòa. Số tài khoản 64110000874155 là của bà N mở tại ngân hàng BIDV. Bà N có dùng tài khoản này để bà Y chuyển tiền nhưng số tiền bà Y chuyển cho bà N không phải là số tiền mà bà N, ông Đ đang khởi kiện tại tòa.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 14/9/2022 ông Đ, bà N Trình bày: Vào ngày 10/11/2021 ông Đ, bà N có cho bà Nguyễn Thị Kim Y vay số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng).*

Tiếp đến ngày 13/11/2021 ông Đ và bà N có cho bà Nguyễn Thị Kim Y vay số tiền là 1.000.000.0000 đồng (*Một tỷ đồng*), tiếp đến ngày 24/12/2021 bà N, ông Đ tiếp tục cho bà Nguyễn Thị Kim Y vay tiếp 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng).*

Đối với số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* ông Đ, bà N yêu cầu bà Y trả nhưng sau đó bà Y đã chuyển vào tài khoản của bà N nhiều lần để trả số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* không phải trả số tiền 1.400.000.000 đồng mà ông Đ, bà N khởi kiện, tại giấy vay mượn ngày 10/11/2021 với số tiền 600.000.000 đồng đến nay đã trả xong và ông Đ, bà N đã xóa giấy vay mượn.

Nay ông Đ, bà N yêu cầu bà Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ, bà N số tiền gốc cả hai lần mượn là: 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi xuất 1%/ tháng đến ngày 19/9/2022.

Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày tại các biên bản hòa giải:

Vào ngày 13/9/2021 bà Nguyễn Thị Kim Y có vay của bà Đặng Thị N, ông Hồ Đ số tiền 1.000.000.000 đồng, hình thức thỏa thuận lãi suất là 105.000.000 đồng/01 tháng, hình thức trả lãi là 10 ngày 01 lần, mỗi lần là 35.000.000 đồng vào các ngày 03, 13, 23 hàng tháng. Sau 30 ngày thì viết giấy nhận nợ lại một lần, tiền lãi hàng tháng bà Nguyễn Thị Kim Y chuyển vào số tài khoản 64110000874155 ngân hàng BIDV chủ tài khoản là bà Đặng Thị N, bà Y đã trả lãi cho bà N đến ngày 23/12/2021 tổng số tiền lãi là 391.760.000 đồng đối với số tiền 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng).*

Ngày 24/12/2021 bà Y tiếp tục vay của bà N, ông Đ số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), thời hạn mượn là 05 ngày, từ ngày 24/12/2021 đến ngày 29/12/2021, sau đó bà Y bị Covid (24 ngày) thời gian này tiền lãi phát sinh quá cao nên bà Y không thể trả lãi cho bà N, ông Đ được.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông Đ với số tiền 1.434.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng*), trong đó tiền gốc là 1.400.000.000 đồng, tiền lãi là 34.000.000 đồng thì bà Y không đồng ý vì bà Y đã trả cho bà N, ông Đ số tiền 391.760.000 đồng.

Bà V xác nhận chữ ký và vân tay trong hai giấy mượn tiền ngày 13/11/2021 và ngày 24/12/2021, là của bà Nguyễn Thị Kim Y.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 57/2022/DS-ST ngày 20/9/2022, Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hồ Đ và bà Đặng Thị N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim Y phải trả cho ông Hồ Đ và bà Đặng Thị N số tiền 1.524.527.000 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*), lãi là 124.527.000 đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành của các đương sự.

Ngày 29/9/2022, bà Nguyễn Thị Kim Y kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm vì bà đã trả cho ông Đ, bà Y đúng 391.760.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Từ khi bà Y vay tiền của ông Đ, bà N vào ngày 13/11/2021 và ngày 24/12/2021 thì bà Y chưa trả cho ông Đ, bà N được khoản tiền nào. Số tiền bà Y chuyển cho bà N, ông Đ qua chuyển khoản là tiền bà Y vay ông Đ, bà N trước đó. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng quy Đ về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy Đ về quyền và nghĩa vụ theo quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Y. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Hồ Đ và bà Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Y trả số tiền 1.524.527.000 đồng (Trong đó gốc là 1.400.000.000 đồng và lãi là 124.527.000 đồng) theo giấy mượn tiền ngày 13/11/2021 và giấy mượn tiền ngày 24/12/2021. Bị đơn bà Y cho rằng đã trả cho bà N, ông Đ số tiền 391.760.000 đồng đề nghị trừ vào tiền nợ gốc nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác Đ quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Y thì thấy rằng theo hồ sơ thể hiện: Các bên đều thừa nhận do mối quan hệ quen biết nên ngày 13/11/2021, ông Đ, bà N có cho bà Y vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời gian mượn là 30 ngày kể từ ngày 13/11/2021 đến ngày 13/12/2021. Đến ngày 24/12/2021, bà Y tiếp tục vay của ông Đ, bà N số tiền 400.000.000 đồng hẹn đến ngày 29/12/2021 trả nợ. Hai bên có lập "Giấy vay tiền" và không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ ông Đ, bà N đã đòi nhiều lần nhưng bà Y không trả. Quá trình giải quyết vụ án bà Y cũng thừa nhận có nợ bà N, ông Đ với tổng số tiền 2 lần vay là 1.400.000.000 đồng nhưng bà Y cho rằng đã trả lãi cho bà N, ông Đ nhiều lần, tính đến ngày 23/12/2021 tổng số tiền đã trả lãi là 391.760.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng BIDV. Bị đơn đã nộp các chứng cứ là biên lai giấy báo nợ của ngân hàng thể hiện: Vào ngày 13/9/2021 bà Y chuyển cho bà N lần 1 là 300.000.000 đồng, lần 2 là 300.000.000 đồng, lần 3 là 60.000.000 đồng; Ngày 11/10/2021 bà Y có chuyển cho bà N 150.600.000 đồng; Ngày 13/10/2021 bà Y chuyển bà N 35.000.000 đồng; Ngày 29/10/2021 bà Y trả bà N 100.800.000 đồng; Ngày 27/12/2021 Y trả chị N 220.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã làm việc với bà Y yêu cầu bà Y xác Đ rõ đối với các lần chuyển tiền trên thì khoản tiền nào bà Y chuyển trả cho bà N, ông Đ của khoản vay 1.000.000.000 đồng. Ngày 09/8/2022 và ngày 15/8/2022, Tòa án đã ban hành 02 Công văn triệu tập bà Y để làm việc về số tiền bà Y khai nhận đã trả lãi cho bà N số tiền 391.760.000 đồng (Của số tiền vay 1.000.000.000 đồng) nhưng bà Y đều vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn trình bày lời khai cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ mới ngoài các bản sao kê tại ngân hàng mà bà Y đã cung cấp

cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn xác Đ bà Y đã trả cho bà N, ông Đ số tiền lãi 391.760.000 đồng nên yêu cầu trừ vào nợ gốc nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh.

Ngoài ra, ông Đ còn cung cấp những tin nhắn của bà Y thừa nhận nợ và hứa hẹn trả nợ 1.400.000.000 đồng cho bà N và ông Đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh tại Công ty viễn thông Lâm Đồng thì số điện thoại 0833972447 của bà Y dùng nhắn tin cho ông Đ và đây cũng là số điện thoại bà Y ghi trong hợp đồng mượn tiền thì xác Đ đây là số điện thoại của bà Y và bà Y sử dụng liên tục đến ngày 19/9/2022.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hồ Đ và bà Đặng Thị N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim Y phải trả cho ông Hồ Đ và bà Đặng Thị N số tiền 1.524.527.000 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*), lãi là 124.527.000 đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy Đ khác.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 57.735.581 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo biên lai số 0002285 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà lạt. Bà Y còn phải nộp 57.735.581 đồng án phí.

Hoàn trả cho ông Hồ Đ, bà Đặng Thị N số tiền 27.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001578 ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LĐ (01);
- TAND TP. Đà Lạt (02);
- VKSND TP. Đà Lạt (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (05);
- Lưu AV – HS (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt